

Bản án số: 594/2024/DS-ST

Ngày: 10-09-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Chí

2. Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 286/2024/TLST-DS ngày 29/3/2024 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 415/2024/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 389/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Q, sinh năm 1986

Địa chỉ: 115/7A đường L 18, phường L, thành phố T, tỉnh B (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Đậu Trường S, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 681/26/34 Q, Phường A, quận G, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Q trình bày:

Do có quan hệ quen biết với ông Đậu Trường S nên ngày 17/12/2020 bà có cho ông vay số tiền 10.000.000 đồng (theo Giấy vay tiền ngày 17/12/2020) và ông S hứa đến tháng 12 năm 2022 sẽ trả đủ. Đến ngày 20/4/2021, ông S nói cuộc sống khó khăn nên tiếp tục vay bà số tiền 20.000.000 đồng (theo Giấy vay tiền ngày 20/4/2021) để lo công việc và hứa sau 03 tháng sẽ trả hết. Đến ngày 23/02/2022, ông S lấy lý do gia đình có người mất ở quê nên vay bà số tiền 20.000.000 đồng (theo Giấy vay tiền ngày 23/2/2022) để lo hậu sự và hứa đến ngày 02/8/2022 sẽ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi. Tuy nhiên từ đó đến nay, bà

tìm gặp nhiều lần để giải quyết số tiền ông S đã nợ nhưng ông luôn trốn tránh và chưa thanh toán cho bà bất cứ khoản nào.

Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc ông Đậu Trường S trả lại số tiền gốc đã nợ là 50.000.000 đồng và tiền lãi 5.810.000 đồng, tổng số tiền là 55.810.000 đồng.

Bị đơn ông Đậu Trường S mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như triệu tập đề ghi lời khai nhưng ông S vẫn không nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và nộp các chứng cứ, tài liệu kèm theo hoặc có mặt tại Tòa án để có ý kiến, tham gia hoà giải.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục:

Nguyên đơn bà Dương Thị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu nêu trên, bị đơn là ông Đậu Trường S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 11, quận Gò Vấp : “Ông Đậu Trường S có hộ khẩu thường trú tại 262/35 Đường số 8, Phường A, quận G, Thành phố H, đã bán nhà chuyển về tạm trú tại địa chỉ 681/26/34 Q, Phường A, quận G, Thành phố H”. Do đó, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, bị đơn Đậu Trường S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có lời khai và các tài liệu, chứng cứ giao nộp cho Tòa án để thể hiện sự phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xét xét theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả khoản tiền nợ gốc 50.000.000 đồng.

Căn cứ vào nội dung các Giấy vay tiền giữa bà Dương Thị Q và ông Đậu Trường S lập ngày 17/12/2020: “tên tôi là Dương Thị Q có cho Đậu Trường S...vay số tiền 10.000.000 đồng...”; Giấy vay tiền lập ngày 20/4/2021 “...vay số tiền 20.000.000 đồng...”, và Giấy vay tiền lập ngày 23/02/2022 “...vay số tiền 20.000.000 đồng...”, ông S đã ký với tư cách bên vay. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”, Hội đồng xét xử xác định bà Dương Thị Q và ông Đậu Trường S có giao kết hợp đồng vay tài sản có thời hạn, tổng số tiền ông S đã vay của bà Q là 50.000.000 đồng, lãi suất do các bên thỏa thuận.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Căn cứ nội dung của 03 Giấy vay tiền nêu trên, thời hạn của Giấy vay tiền sau cùng là ngày 02/8/2022. Theo lời trình bày của bà Q, từ khi vay số tiền trên, ông S chưa trả cho bà bất cứ khoản tiền nợ nào. Do đó yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị Q buộc bị đơn ông Đậu Trường S trả khoản tiền nợ gốc 50.000.000 đồng là có cơ sở.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả khoản tiền nợ lãi 5.810.000 đồng.

Căn cứ vào 03 Giấy vay tiền nêu trên đều có nội dung: Lãi suất thỏa thuận”. Căn cứ Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015: “Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Căn cứ Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, lãi suất được xác định trong trường hợp này là 10%/năm của khoản tiền vay.

Do đó yêu cầu của nguyên đơn bà Dương Thị Q buộc bị đơn ông Đậu Trường S trả khoản tiền nợ lãi 5.810.000 đồng là thấp hơn mức lãi suất quy định nêu trên và không trái quy định của pháp luật nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án, yêu cầu của bà Dương Thị Q được chấp nhận nên ông Đậu Trường S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.790.500 đồng. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho bà Dương Thị Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Q

Buộc ông Đậu Trường S phải thanh toán cho bà Dương Thị Q số tiền nợ gốc và lãi theo các Giấy vay tiền ngày 17/12/2020, ngày 20/4/2021 và ngày 23/02/2022 với tổng số tiền là 55.810.000 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm mười nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 50.000.000 đồng; lãi quá hạn là 5.810.000 đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đậu Trường S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Đậu Trường S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.790.500 đồng. Hoàn lại cho bà Dương Thị Q số tiền tạm ứng án

phí là 1.395.250 đồng theo Biên lai tạm nộp án phí số 0013007 ngày 29/3/2024 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày được thông đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hương